TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CÀ MAU** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 127/2023/HNGĐ-ST
Ngày 14 tháng 6 năm 2023
Về việc: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kiều Trang
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Võ Thanh Liêm
Ông Huỳnh Hoàng Khởi

- Thư ký phiên tòa: Bà Tô Huyền Trang là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 14 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 73/2023/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 02 năm 2023 về việc: Ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 124/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lương H T, sinh năm 1989 (có mặt)
Địa chỉ: Nhà trọ T, đường P, khóm 8, phường 00, thành phố C, tỉnh Cà Mau.
Bị đơn: Ông Nguyễn Văn R, sinh năm 1988 (vắng mặt)
Địa chỉ: Nhà trọ T, đường P, khóm 8, phường 00, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, nguyên đơn bà Lương H T trình bày:

- Về hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Văn R kết hôn với nhau vào năm 2012, hôn nhân tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện P, tỉnh Cà Mau. Nguyên nhân mâu thuẫn là thường xuyên cự cãi, bất đồng trong quan điểm sống. Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông R.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn H P, sinh ngày 25/3/2011, hiện đang sống cùng với gia đình. Khi ly hôn, bà T yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu ông R cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà T xác định không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Đối với bị đơn ông Nguyễn Văn R: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ để hòa giải, công khai chứng cứ và xét xử nhưng ông R vẫn vắng mặt không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Ông Nguyễn Văn R đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để xét xử sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt không lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông R theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Bà Lương H T và ông Nguyễn Văn R chung sống vợ chồng với nhau vào năm 2009, hôn nhân tự nguyện nhưng đến năm 2012 mới đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện P, tỉnh Cà Mau. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà Lương H T và ông Nguyễn Văn R được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp và bảo vệ.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà T xác định nguyên nhân mâu thuẫn là do ông R có mối quan hệ bất chính với nhiều người phụ nữ khác trong nhiều năm, mâu thuẫn vợ chồng bắt đầu từ năm 2014 cho đến nay nên không còn sinh hoạt vợ chồng chung với nhau đã lâu, ngoài nguyên nhân này thì không còn nguyên nhân nào khác. Bà T khẳng định tình cảm vợ chồng của bà đối với ông R không còn nên đời sống hôn nhân không thể duy trì, trường hợp tiếp tục chung sống sẽ không mang lại hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên cương quyết xin được ly hôn với ông R. Đối với ông Nguyễn Văn R, Tòa án đã thông báo cho ông R biết yêu cầu khởi kiện của bà T nhưng ông R không ý kiến gì và cũng không có văn bản gửi Tòa án. Do đó, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu của bà T được ly hôn với ông R.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn H P, sinh ngày 25/3/2011, hiện đang sống cùng với gia đình. Khi ly hôn, bà T yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi con, không yêu cầu ông R cấp dưỡng. Đối với con chung là cháu Nguyễn H P có nguyện vọng được ở cùng với mẹ là bà Lương H T khi cha mẹ ly hôn và cháu xác định việc xin được ở cùng với mẹ vì mẹ chăm sóc cháu rất tốt, còn cha thì thường xuyên chạy xe nên ít gần gũi, quan tâm, chăm sóc cháu. Do đó, việc giao con chung cho bà T nuôi dưỡng là phù hợp và cũng phù hợp với nguyện vọng của con chung, không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Ông R không trực tiếp nuôi con, có quyền lui tới thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Lương H T phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56 và 58 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Lương H T được ly hôn với ông Nguyễn Văn R.

2. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn H P, sinh ngày 25/3/2011

cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Ông R không trực tiếp nuôi con, có quyền lui tới thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Lương H T phải chịu 300.000 đồng. Ngày 14/02/2023 bà T đã nộp tạm ứng 300.000 đồng theo biên lai số 0002824 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau được chuyển thu đối trừ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm, nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND thành phố Cà Mau;
- Chi cục THADS thành phố Cà Mau;
- UBND xã Tân Hải, H.Phú Tân;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Kiều Trang